



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Số:18.55...../2023/BBLM

Hôm nay, vào hồi10..... giờ00....., ngày18..... tháng05..... năm 2023.

Tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng.

Địa chỉ: KCN Nam Hải Khu, xã Hồng Đông, Huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Địa điểm quan trắc: Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng.

1. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU: Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng.

Ông (Bà): Chu Thành Liên Chức vụ: NV

Ông (Bà): Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC

Ông (Bà): Trần Thị Ngân Chức vụ: NV

Ông (Bà): Nguyễn Văn Hùng Chức vụ: NV

3. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ): Công ty CP đầu tư CM

Ông (Bà): Chu Trọng Đức Chức vụ: NV

Ông (Bà): Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU PHỤ (NẾU CÓ):

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

5. ĐẠI DIỆN ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ): Công ty TNHH MTV Khai thác

công trình thủy lợi Thủy Nguyên và UBND xã Hồng Đông.

Ông (Bà): Nguyễn Duy Đức Chức vụ: CV-CTNNHMTVKTCTTLTN

Ông (Bà): Bùi Hoa Thạch Cường Chức vụ: PCT UBND xã Hồng Đông

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của cơ sở như sau:

6. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Đời mây.

7. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Hoạt động bình thường.

8. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Stt	Kí hiệu	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ghi chú
1.	NT1-VY	Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước	
2.		thải sinh hoạt	
3.	NT2-VY	Nước thải tại điểm xả thải vào nguồn	
4.		tiếp nhận	
5.			
6.			
7.			
8.			
9.			
10.			
11.			
12.			
13.			
14.			
15.			

9. TÌNH TRẠNG BẢO QUẢN VÀ NIÊM PHONG MẪU VẬT

Bảo quản lạnh và hóa chất theo TCVN hiện hành.

Kiểm soát chất lượng: ☐ Mẫu lập. ☐ MT thiết bị ☐ MT hiện trường ☐ MT vận chuyển

Các bên thống nhất tình trạng niêm phong mẫu: ☐ Có. ☒ Không

Ghi chú:

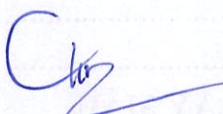
Nội dung đo đạc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên.

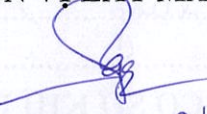
Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành ... (0...) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

**ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LẤY MẪU**

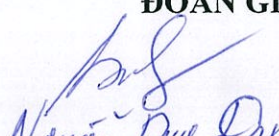
**ĐẠI DIỆN NHÀ
THẦU PHỤ (NẾU CÓ)**

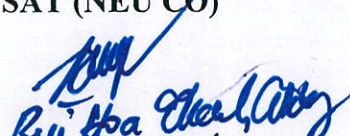

Chu Thanh Luân

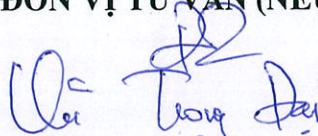

Trần Thị Ngọc

**ĐẠI DIỆN
ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ)**

**ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ)**


Nguyễn Duy Định


Bùi Hoa Thanh Hằng


Lê Công Đại

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 957 - 6012 / KQPT/2023



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng - xã Hoàng Động và xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : NT230518.41
Ngày lấy mẫu : 18/05/2023 Thời gian phân tích: 18/05/2023-29/05/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B)	QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột B)
				NT1-VY		
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550.B:2017	26,4	40	-
2.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,12	5,5 - 9	5-9
3.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	CEC/SOP/HT - 001	421	-	1.000
4.	Độ màu	mgPtCo/L	TCVN 6185.C:2015	11	150	-
5.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	12	50	50
6.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	19	150	-
7.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	27	100	100
8.	Amoni (NH ₄ ⁺ N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	1,15	10	10
9.	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	8,69	40	-
10.	Tổng Photpho (P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,33	6	-
11.	Nitrat (NO ₃ ⁻ N)	mg/L	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .B&E:2017	0,93	-	50
12.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,06	-	10
13.	Tổng Phenol	mg/L	SMEWW 5530.C:2017	<0,007 ^a	0,5	-
14.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2017	<0,13 ^a	0,5	4,0
15.	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	1,3	-	20
16.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	<1 ^a	10	-
17.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,15	-	10
18.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	2.700	5.000	5.000

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT1-VY	Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	2313062.152	0591395.246

(*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Quy chuẩn so sánh:

+ **QCVN 40:2011/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp;

Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

+ **QCVN 14:2008/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt;

Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

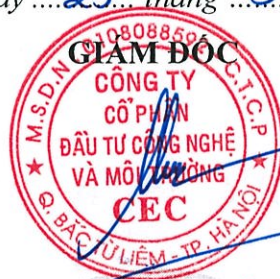
- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

Hà Nội, ngày29... tháng ...5... năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Đinh Thị Tuyết



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn H.



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội
 ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999 Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH



Số phiếu: 958 - 6012 /KQPT/2023

Tên khách hàng : **Công ty Cổ phần đầu tư CM**
 Địa chỉ : **Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng**
 Địa điểm quan trắc : **Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Hải Phòng - xã Hoàng Động và xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng**
 Loại mẫu : **Nước thải** Số lượng mẫu: 01
 Mã mẫu : **NT.230518.42**
 Ngày lấy mẫu : **18/05/2023** Thời gian phân tích: 18/05/2023-29/05/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B)	QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột B)
				NT2-VY		
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550.B:2017	26,8	40	-
2.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,17	5,5 - 9	5-9
3.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	CEC/SOP/HT - 001	432	-	1.000
4.	Độ màu	mgPtCo/L	TCVN 6185.C:2015	17	150	-
5.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	16	50	50
6.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	25	150	-
7.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	29	100	100
8.	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	<0,13 ^a	10	10
9.	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	7,9	40	-
10.	Tổng Photpho (P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,47	6	-
11.	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/L	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .B&E:2017	0,65	-	50
12.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ -P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,11	-	10
13.	Tổng Phenol	mg/L	SMEWW 5530.C:2017	<0,007 ^a	0,5	-
14.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2017	<0,13 ^a	0,5	4,0
15.	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	<1 ^a	-	20
16.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	3,7	10	-
17.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,18	-	10
18.	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221.B:2017	3.300	5.000	5.000

(*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
 - Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.
 - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
 - Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
 - Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty
 CEC.BM 7.8.03

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT2-VY	Nước thải tại điểm xả nước thải vào môi trường tiếp nhận	2313075.559	0591448.750

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp;

Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt;

Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt K=1.

- "a": Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

Hà Nội, ngày29... tháng5.... năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC



Đinh Thị Tuyết



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Huy